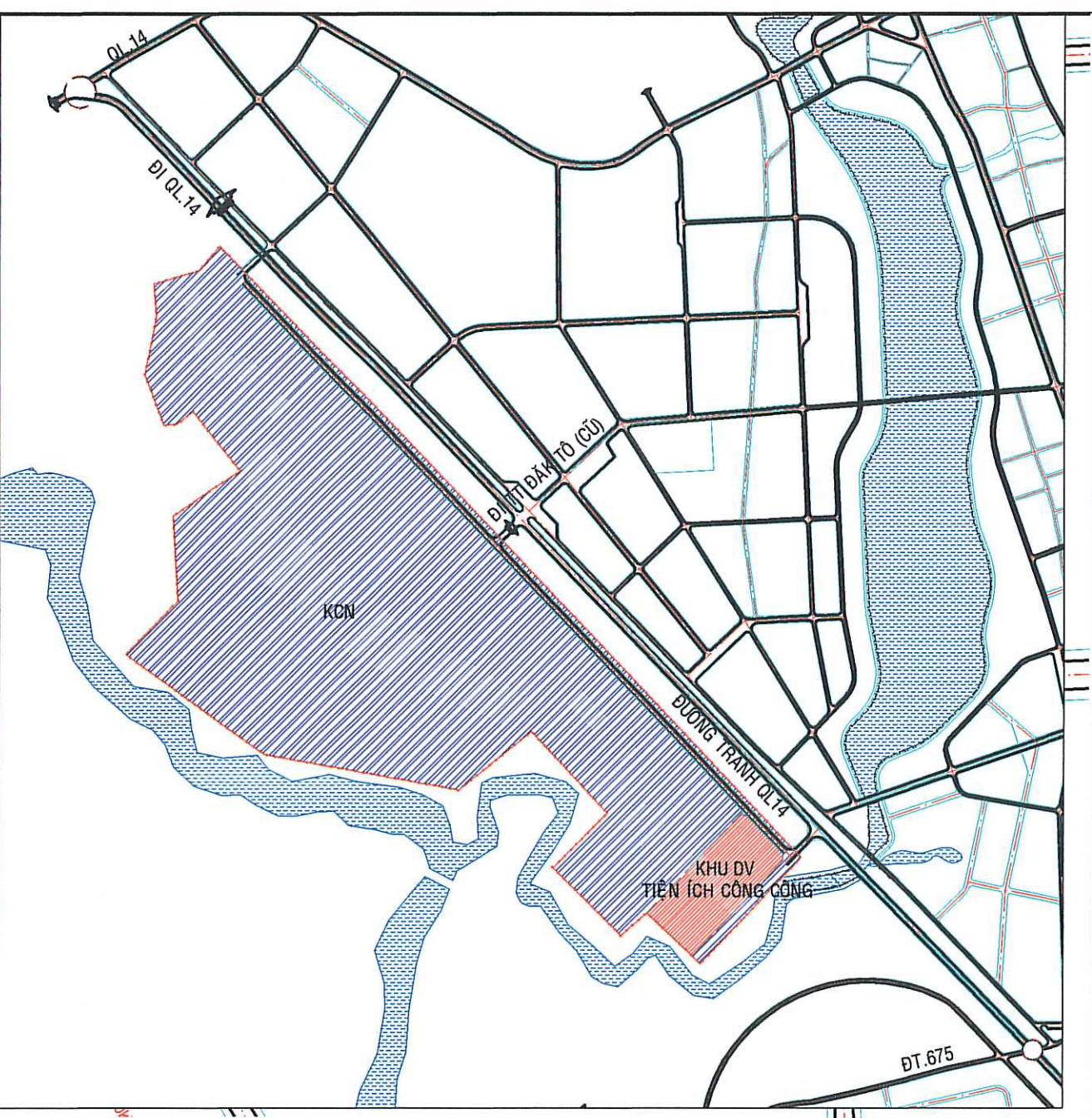
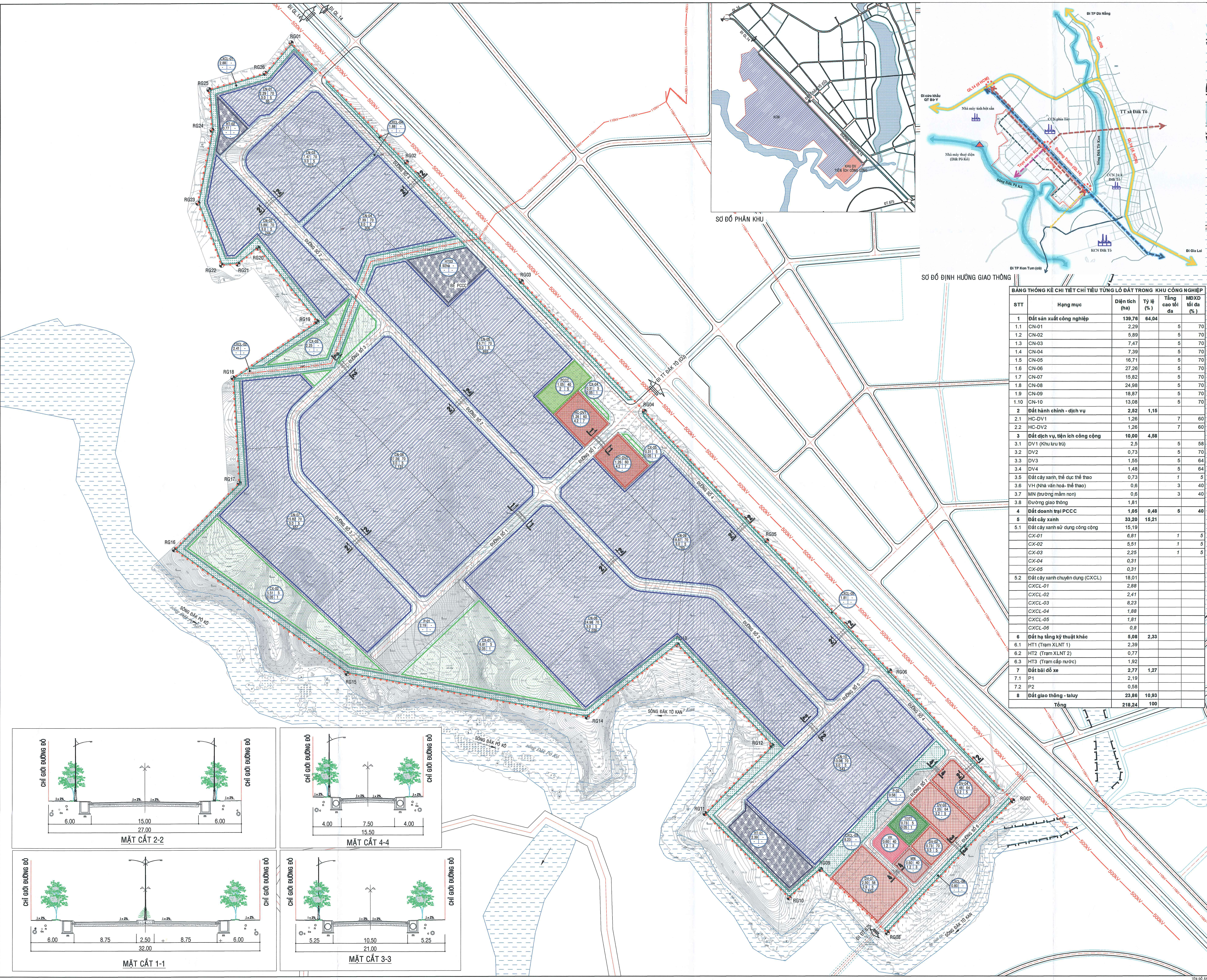




BẢNG THÔNG KẾ CHI TIẾT CHỈ TIÊU TUNG LỒ ĐẤT TRONG KHU CÔNG NGHIỆP					
STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)	Tầng cao tối đa	MDXD tối đa (%)
1	Đất sản xuất công nghiệp	139,76	64,04		
1.1	CN-01	2,29		5	70
1.2	CN-02	5,89		5	70
1.3	CN-03	7,47		5	70
1.4	CN-04	7,39		5	70
1.5	CN-05	16,71		5	70
1.6	CN-06	27,26		5	70
1.7	CN-07	15,82		5	70
1.8	CN-08	24,98		5	70
1.9	CN-09	18,87		5	70
1.10	CN-10	13,08		5	70
2	Đất hành chính - dịch vụ	2,52	1,15		
2.1	HC-DV1	1,26		7	60
2.2	HC-DV2	1,26		7	60
3	Đất dịch vụ, tiện ích công cộng	10,00	4,58		
3.1	DV1 (Khu lưu trữ)	2,5		5	58
3.2	DV2	0,73		5	70
3.3	DV3	1,55		5	64
3.4	DV4	1,48		5	64
3.5	Đất cây xanh, thể dục thể thao	0,73		1	5
3.6	VH (Nhà văn hoá - thể thao)	0,6		3	40
3.7	MN (trường mầm non)	0,6		3	40
3.8	Đường giao thông	1,81			
4	Đất doanh trại PCCC	1,05	0,48		
5	Đất cây xanh	33,20	15,21		
5.1	Đất cây xanh sử dụng công cộng	15,19			
	CX-01	6,81		1	5
	CX-02	5,51		1	5
	CX-03	2,25		1	5
	CX-04	0,31			
	CX-05	0,31			
5.2	Đất cây xanh chuyên dụng (CXCL)	18,01			
	CXCL-01	2,88			
	CXCL-02	2,41			
	CXCL-03	8,23			
	CXCL-04	1,88			
	CXCL-05	1,81			
	CXCL-06	0,8			
6	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	5,08	2,33		
6.1	HT1 (Trạm XLNT 1)	2,39			
6.2	HT2 (Trạm XLNT 2)	0,77			
6.3	HT3 (Trạm cấp nước)	1,92			
7	Đất bãi đỗ xe	2,77	1,27		
7.1	P1	2,19			
7.2	P2	0,58			
8	Đất giao thông - taluy	23,86	10,93		
	Tổng	218,24	100		

KÝ HIỆU

QUY HOẠCH

ĐỢT ĐẦU DÀI HẠN

ĐẤT SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP, KHO BÃI

ĐẤT HÀNH CHÍNH - DỊCH VỤ

ĐẤT DỊCH VỤ, TIỆN ÍCH CÔNG CỘNG

ĐẤT NHÀ VĂN HÓA

ĐẤT TRƯỜNG MẦM NON

ĐẤT CÂY XANH, THỂ DỤC THỂ THAO

ĐẤT AN NINH (DOANH TRẠI PCCC)

ĐẤT CÂY XANH SỬ DỤNG CÔNG CỘNG

ĐẤT CÂY XANH CHUYÊN DỤNG

ĐẤT HẠ TẦNG KỸ THUẬT KHÁC

ĐẤT BÃI ĐỖ XE

RAH GIỚI QUY HOẠCH

A: TÊN LỘ
B: DIỆN TÍCH (HA)
C: MĐXD TỐI ĐA (%)
D: TẦNG CAO TỐI ĐA (TẦNG)
E: HỆ SỐ SƠ LÃN
F: DÂN SỐ, LAO ĐỘNG (NGƯỜI)

BẢNG CƠ CẤU SỬ DỤNG ĐẤT			
STT	Hạng mục	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Đất sản xuất công nghiệp	139,76	64,04
2	Đất hành chính - dịch vụ	2,52	1,15
3	Đất dịch vụ, tiện ích công cộng	10,00	4,58
3	Đất an ninh (doanh trại PCCC)	1,05	0,48
4	Đất cây xanh	33,20	15,21
6	Đất hạ tầng kỹ thuật khác	5,08	2,33
7	Đất bãi đỗ xe	2,77	1,27
8	Đất giao thông	23,86	10,93
	Tổng	218,24	100,00

ĐIỀU KIỆN SỬ DỤNG ĐẤT VÀ CÁC KCN QUẢNG NGÃI
TỔNG CỘNG LƯỢNG QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG

THẨM ĐỊNH
Thẩm định viên số: 416...PHXD
Ngày: 19 tháng 6 năm 2026
Ký tên:

CƠ QUAN PHÉ DUYỆT:
BAN QLKT DUNG QUẤT VÀ CÁC KCN QUẢNG NGÃI
KÈM THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM.....

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH:
PHÒNG QUẢN LÝ QUY HOẠCH VÀ XÂY DỰNG
KÈM THEO BẢO CÁO THẨM ĐỊNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM.....

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH:
BAN ĐIỀU HÀNH CÁC ĐỒ ÁN QUY HOẠCH
KÈM THEO TỜ TRÌNH SỐ: NGÀY THÁNG NĂM.....

TÊN ĐỒ ÁN: QUY HOẠCH PHÂN KHU XÂY DỰNG TỶ LỆ 1/2000
KHU CÔNG NGHIỆP SẢN XUẤT, CHẾ BIẾN DƯỢC LIỆU TẬP TRUNG ĐẮK TÔ
ĐỊA ĐIỂM: XÃ ĐẮK TÔ, TỈNH QUẢNG NGÃI

TÊN BẢN VẼ: BẢN ĐỒ SỬ DỤNG ĐẤT QUY HOẠCH

BẢN VẼ: QH04 HỒ SƠ GHEP 1 x A0 TỶ LỆ: 1/2000 NGÀY: .../.../...

THIẾT KẾ	KTS. NGUYỄN THỊ VƯƠNG KỲ	
	KS. NGUYỄN THỊ BÍCH GIANG	
	KTS. TRẦN THỊ MỸ LINH	
CHỦ TRÌ	KTS. NGUYỄN THANH TIẾN	
CHỦ NHIỆM	KTS. NGUYỄN VĂN DUNG	
TRƯỞNG PHÒNG	KTS. NGUYỄN THANH TIẾN	
QL. KỸ THUẬT	KTS. NGUYỄN VĂN DUNG	

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
THIÊN PHÚC
ĐỊA CHỈ: HỒ CHÍ MINH - QUẬN NGUYỄN LỘ - PHƯỜNG NGUYỄN LỘ - TỈNH QUẢNG NGÃI
TEL: 053.360787 FAX: 053.3619868

